

Ngày: 12/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 120/2020/TLPT-HS ngày 09-12-2020 đối với bị cáo: Lê Đình Q và đồng phạm về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”; do có kháng cáo, kháng nghị đối với bản án hình sự sơ thẩm số 28/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bị cáo kháng cáo, kháng nghị:

1. Lê Đình Q (Tên gọi khác: H), sinh ngày 06/10/1981, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Đình H, sinh năm 1938 và bà Võ Thị D (đã chết); Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân tỉnh S xử phạt 10 năm tù giam về tội “Trộm cướp tài sản” tại Bản án số 10-21/TAT.SV ngày 18/02/2010. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tam giữ, tam giam từ ngày 22/11/2020; có mặt.

2. Đoàn Ngọc P (Tên gọi khác: Đ), sinh ngày 12/02/1993, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; con ông Đoàn Ngọc T, sinh năm 1963 và bà Bạch Thị N, sinh năm 1971. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2020; có mặt.

3. Nguyễn Đức H, sinh ngày 30/10/1989, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ đóng giày; con ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1949 và bà Võ Thị Minh N (đã chết); vợ: Chị Trần Thị Hoàng O, sinh năm 1995; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2020; có mặt.

2. Những người tham gia tổ tụng khác:

Ông Lê Bá Nhật B - Luật sư Văn phòng Luật sư L; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế là người bào chữa cho bị cáo Lê Đình Q; có mặt.

Ông Lê Tấn P - Luật sư Văn phòng Luật sư T; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị là người bào chữa cho bị cáo Đoàn Ngọc P; có mặt.

Ông Lê Văn H - Luật sư Công ty Luật V; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2018, tại bến xe V, Lào, Lê Đình Q gặp một người tên H (Không rõ tên, tuổi, địa chỉ), thuê Q vận chuyển ma túy về Việt Nam nhưng Q không đồng ý. H đưa cho Q số điện thoại và nói biết ai muốn vận chuyển ma túy thì liên hệ cho H. Khoảng tháng 10/2018, Q gặp Nguyễn Đức H tại xã L (huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) và nói: Vừa rồi có người thuê vận chuyển ma túy mà không dám đi. H nói với Q cho H tham gia vận chuyển ma túy với. Q đồng ý và điện thoại cho H báo có người nhận lời vận chuyển ma túy. Vài ngày sau Q và H đón xe ra thị trấn L (huyện H, tỉnh Quảng Trị). Đến nơi Q vào quán cà phê gặp H còn H đứng ngoài. Trong lúc ngồi uống nước Q chỉ H cho H biết và nói đó là người vận chuyển. Sau đó, H liên hệ với H đi lấy ma túy đưa vào thành phố Hồ Chí Minh còn Q đi vào Huế.

Ngày 20/11/2018, H nói với Đoàn Ngọc P là mình cùng với Lê Đình Q có vận chuyển thuê ma túy từ Quảng Trị vào TP. HCM được trả tiền công cao. Nghe vậy, P xin H cho đi vận chuyển ma túy cùng và H đồng ý. Ngày 21/11/2018, P chờ H đến nhà Q để xin vận chuyển ma túy. Khi đến thì Q, H, P ra gặp nhau ở đường gần nhà Q để trao đổi cách thức vận chuyển ma túy, cả ba thống nhất: Vận chuyển 1kg ma túy từ thị trấn L vào thành phố Hồ Chí Minh với tiền công từ 30.000.000 đ, khi vào thành phố Hồ Chí Minh giao ma túy thì nhận tiền. Q hỏi ai là người vận chuyển thì P và H trả lời cả hai, Q nói nếu đi cả hai thì vận chuyển 02kg ma túy với giá 60.000.000 đ tiền công”. P và H đồng ý thì Q đưa cho P 5.000.000 đồng để đi xe. Sau khi bàn bạc xong Q điện thoại cho H báo ngày mai có người nhận vận chuyển 02 kg ma túy. Khoảng 04g ngày 22/11/2018, H và P đón xe ra thị trấn L để lấy ma túy. Khoảng 07 giờ cùng ngày đến thị trấn L, do H thấy mệt nên P đưa cho H 200.000đ đón xe vào Huế trước và nói với H: “Vào đến H thì đến nhà P lấy hộ chiếu của P đưa vào thành phố Hồ Chí Minh để sau khi giao ma túy xong P đi máy bay ra H”. Sau đó, P đi vào Trung tâm thương mại L mua một cái ba lô rồi đi ra quán gần cửa khẩu L ăn sáng. Một lúc sau, có một người đàn ông (không rõ tên, tuổi) đến chờ P đi đến một đoạn đường bê tông và chỉ cho P một túi ni lon màu đen để ở bụi cây bên đường. P biết đó là ma túy nên đến lấy bỏ vào ba lô rồi người này chờ P đến bến xe L. Lúc 09 giờ 15 phút, ngày 22/11/2018 P bị lực lượng Biên phòng cửa khẩu Quốc tế L bắt quả tang và thu giữ 1 cái ba lô bên trong có chứa nhiều tinh thể dạng rắn. Sau khi bị bắt P khai nhận có Nguyễn Đức H và Lê Đình Q cùng tham gia nên Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế L đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Q và H.

Tại Bản kết luận giám định số 12/KLGI) ngày 27/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Q Trị kết luận: Các chất rắn dạng tinh thể được niêm

phong trong hộp giấy catton ký hiệu MT gửi đến giám định có khối lượng 1991,86g là ma túy loại Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Đình Q (Huế), Đoàn Ngọc P (Đ), Nguyễn Đức H phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 250; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Lê Đình Q (Huế) 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2018.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Đoàn Ngọc P (Đ) 19 (mười chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2018.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 250; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Đức H 19 (mười chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2018.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyết định về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2020, Bị cáo Lê Đình Q làm đơn kháng cáo với nội dung: Kêu oan.

Ngày 10/11/2020, Bị cáo Nguyễn Đức H làm đơn kháng cáo với nội dung: Kêu oan.

Ngày 11/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành kháng nghị số 1441/QĐ-KNPT với nội dung: Tăng hình phạt đối với tất cả các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Đình Q và Nguyễn Đức H vẫn giữ nguyên kháng cáo kêu oan; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, vì không có cơ sở; đồng thời thay đổi một phần Quyết định kháng nghị số 1441/QĐ-KNPT ngày 11/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, với nội dung: Các bị cáo vận chuyển khối lượng ma túy rất lớn, gấp hơn 19 lần khối lượng ma túy quy định; tại khung hình phạt có mức án khởi điểm là 20 năm tù. Bị cáo Q có vai trò chủ mưu cầm đầu; tình tiết giảm nhẹ ít nhưng xử phạt 20 năm là không tương xứng. Bị cáo P có 02 tình tiết giảm nhẹ và bị cáo H không có tình tiết giảm nhẹ nào, nhưng tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 xử phạt cả 02 bị cáo bằng nhau 19 năm tù là không tương xứng. Do vậy; tại phiên tòa hôm nay đại diện viện kiểm sát rút kháng nghị đối với bị cáo P; giữ nguyên kháng nghị đối với bị cáo Q và H; đề nghị HĐXX tăng hình phạt bị cáo Q từ 20 năm lên chung thân; bị cáo H từ 19 năm lên 20 năm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Q cho rằng bị cáo Q không tham gia thực hiện hành vi “vận chuyển ma túy” vì trước đó có người nhờ nhưng bị cáo không thực hiện sau này bị cáo có biết hành vi phạm tội của P nhưng không trình báo với cơ quan chức năng. Do vậy, đề nghị HĐXX xem xét bị cáo Q không phạm tội “vận chuyển trái phép chất ma túy”, nếu có chăng thì xử lý hành vi “không tố giác tội phạm” đối với bị cáo Q.

Luật sư bào chữa cho bị cáo P trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đã rút kháng nghị đối với bị cáo P; nên đề nghị HĐXX chấp nhận giữ nguyên 19 năm tù đối với bị cáo P.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H có ý kiến: Căn cứ Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 76 BLTTHS thì cơ quan điều tra phải chỉ định người bào chữa ngay từ khi Nguyễn Đức H bị bắt; nhưng do không có người bào chữa nên đề nghị HĐXX xem xét tính hợp pháp của những lời khai thời điểm này. Trong vụ án này P là người thực hành còn H chỉ có vai trò giúp sức nhưng mức án bằng nhau là không công bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đoàn Ngọc P thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, của những người có liên quan tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập. Các bị cáo Lê Đình Q và Nguyễn Đức H tuy không nhận tội, nhưng căn cứ vào tài liệu, hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 11/2018, Lê Đình Q, Đoàn Ngọc P và Nguyễn Đức H được người có tên H (hiện bỏ trốn đang bị truy nã) bàn bạc để thuê P và H vận chuyển 02 ký ma túy từ Cửa khẩu L, Quảng Trị vào thành phố Hồ Chí Minh với tiền công mỗi người là 30.000.000đ. Lúc 09h15 ngày 22/11/2018 P đang vận chuyển ma túy trong balo tại gần bến xe L thì bị Đoàn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế L bắt quả tang thu giữ 1991,86 gam ma túy tổng hợp (methamphetamin).

[2] Với hành vi và hậu quả như trên, tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Lê Đình Q, Đoàn Ngọc P và Nguyễn Đức H phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 4 Điều 250 BLHS “*phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình*” ...b) *Heroin, Cocaine, methamphetamine...có khối lượng 100 gam trở lên*. Các bị cáo phạm tội có khối lượng gấp hơn 19 lần. Do bị cáo Đoàn Ngọc P có 03 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS, nên tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo P dưới khung hình phạt 19 năm tù là có căn cứ. Các bị cáo Lê Đình Q và Nguyễn Đức H không có tình tiết giảm nhẹ nào nhưng xử phạt Q 20 năm tù là nhẹ; áp dụng Điều 54 xử phạt H 19 năm tù là không đúng.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo Lê Đình Q và Nguyễn Đức H; HĐXX thấy rằng: Quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các luật sư bào chữa cho các bị cáo không khẳng định là các bị cáo bị oan; mà chỉ đề nghị giảm nhẹ hình phạt và chuyển tội danh. Mặt khác, căn cứ vào tài liệu hồ sơ vụ án như: Nhật ký cuộc gọi đi và đến vào sáng ngày 22/11/2018 (BL 180) của bị cáo Q và P; lời khai nhận của bị cáo Q, H và P tại Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế L và tại cơ quan điều tra vào những ngày đầu; các bị cáo đều thừa nhận phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang và lời trình bày của những người làm chứng. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Q và H.

[4] Đối với lời bào chữa của luật sư Lê Bá Nhật Bình cho rằng bị cáo Q không phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” mà chỉ phạm tội “*không tố giác tội phạm*”, vì bị cáo Q đã từ chối khi người có tên H nhờ vận chuyển. Xét thấy, tuy ban đầu Q từ chối nhưng sau đó bị cáo Q đã giới thiệu H cho H và cùng bàn bạc cách thức vận chuyển, số tiền công vận chuyển, ứng trước tiền cho P, điện thoại báo cho H có người vận chuyển và số lượng ma túy cần vận chuyển. Tất cả hành vi đó là chuỗi hoạt động liên hoàn nói lên ý thức của bị cáo Q là chủ mưu trong việc vận chuyển ma túy cho H; nên không có cơ sở truy cứu Q về tội “*không tố giác tội phạm*”.

[5] Xét Quyết định kháng nghị số 1441/QĐ-KNPT ngày 11/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Đình Q từ 20 năm tù lên chung thân, bỏ việc áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đức H tăng hình phạt từ 19 năm lên 20 năm tù. HĐXX thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có số lượng ma túy gần 20 lần so với quy định; bị cáo Q và H không có tình tiết giảm nhẹ nào nhưng cấp sơ thẩm xử mức án như trên là không nghiêm khắc, chưa cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo; do vậy chấp nhận kháng nghị như đề nghị của kiểm sát viên.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận; nên các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b, đ khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356; điểm a.c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Lê Đình Q và Nguyễn Đức H; chấp nhận Quyết định kháng nghị số 1441/QĐ-KNPT ngày 11/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Đình Q và Nguyễn Đức H, rút kháng nghị đối với bị cáo Đoàn Ngọc P.

Tuyên bố các bị cáo Lê Đình Q (Huế), Đoàn Ngọc P (Đ) và Nguyễn Đức H phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 250; Điều 17, Điều 39 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Lê Đình Q (Huế) tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2018.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 250; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Đức H 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2018.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đoàn Ngọc P (Đ); Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Đoàn Ngọc P.

2. Án phí phúc thẩm: Các bị cáo Lê Đình Q (Huế) và Nguyễn Đức H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (12/7/2021).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT - Công an Quảng Trị;
- Phòng HSNV - Công an Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường